TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÚK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2022
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Y Mưng Niê;

2.Ông Vũ Công Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đăk Lăk.

Ngày 26/9/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đăk Lăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/8/2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hà H, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn P, xã Đ , thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Dương Thị D, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên toà nguyên đơn anh Hà Hiền trình bày*:** Tôi và chị D tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam vào ngày 11/3/2020. Quá trình chung sống được thời gian ngắn thì bên phát sinh nhiều mâu thuẫn và trầm trọng nhất vào cuối năm 2020. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm sống của vợ chồng không hòa hợp nên thường xảy ra cãi vã với nhau, vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt

được. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị D. Về con chung chúng tôi không có con chung nên tôi không yêu cầu giải quyết. Về tài sản và công nợ chung*:* Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. .

- Tại đơn xin vắng mặt, chị Dương Thị D trình bày: Tôi và anh Hà H kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 11/3/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Quá trình chung sống thì vợ chồng dần phát sinh mâu thuẫn do cả hai tính cách không hợp nhau, không hiểu nhau nên tình cảm ngày càng phai nhạt; chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay tôi nhận thấy tình cảm không còn nữa nên tôi đồng ý ly hôn với anh H để giải thoát cho nhau. Về con chung, cả hai không có con chung. Về tài sản và công nợ chung, tôi không yêu cầu giải quyết. Tôi xin vắng mặt trong các buổi làm việc và xét xử tại tòa án; đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, chị Dương Thị D có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị D tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam vào ngày 11/3/2020. Vợ chồng sống một thời gian thì dần phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên không tin tưởng nhau, bất đồng ý kiến, thường xảy ra cãi vã với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị D đã đến mức trầm trọng, không thể hoà giải, mục đích hôn nhân không đạt được, đã sống ly thân hai bên vẫn không hàn gắn được; chị D đồng ý ly hôn với anh H nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H để tạo điều kiện cho cả hai có một cuộc sống riêng là phù hợp hơn quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống anh H và chị D không có con chung

nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản và công nợ chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Toà án không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Anh H phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0008789 ngày 08/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk phù hợp với khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hà Hiền.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho anh Hà H được ly hôn với chị Dương Thị D.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống các bên không có con chung nên không đặt ra để giải quyết.

- *Về tài sản và công nợ chung*: Các bên không yêu cầu giải quyết.

- *Về án phí*: Anh Hà H phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0008789 ngày 08/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đăk Lăk;*
- *VKSND huyện Krông Búk;*
- *Chi cục THADS huyện Krông Búk;*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã Ký)

- UBND xã Đ,
thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

Thái Văn Hải